TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **83**/2024/QĐST- HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- **Người yêu cầu:** Bà **Lê Thị H** - sinh năm: 198x.
- **Người yêu cầu:** Ông **Trần Quốc B** - Sinh năm: 197x.

Cùng địa chỉ: Tổ 0x, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B kết hôn với nhau vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 148, quyển số: 01/2002 cấp ngày 13/8/2002. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chủ yếu là do tính cách khác biệt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng cũng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay ông bà xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà H và ông B lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì bà H và ông B đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của bà H và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà H và ông B là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định vợ chồng có 04 con chung là Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 08/01/2004, Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 08/01/2004, Trần Lê Bảo C, sinh ngày: 03/7/2011 và Trần Lê Bảo T, sinh ngày: 09/6/2019. Ly hôn bà H và ông B thỏa thuận giao con chung Trần Lê Bảo C cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao con chung Trần Lê Bảo T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các con chung Trần Lê Bảo N và Trần Lê Bảo N hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định không có.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định không có.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003370 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Lê Thị H** và ông **Trần Quốc B.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B nên Giấy chứng nhận kết hôn số:148, quyển số: 01/2002 cấp ngày 13/8/2002 tại UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị hợp pháp).*

- **Về quan hệ con chung**: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định vợ chồng có 04 con chung là Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 08/01/2004, Trần Lê Bảo N, sinh ngày: 08/01/2004, Trần Lê Bảo C, sinh ngày: 03/7/2011 và Trần Lê Bảo T, sinh ngày: 09/6/2019. Ly hôn bà H và ông B thỏa thuận giao con chung Trần Lê Bảo C cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao con chung Trần Lê Bảo T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các con chung Trần Lê Bảo N và Trần Lê Bảo N hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung**: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định không có.

- **Về nợ chung**: Bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Lê Thị H và ông Trần Quốc B thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003370 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND quận N.
- UBND phường N, Quận S, Tp. Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM